

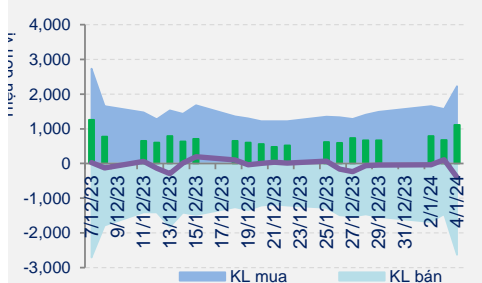
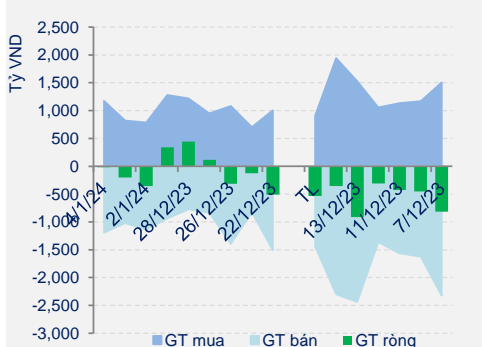
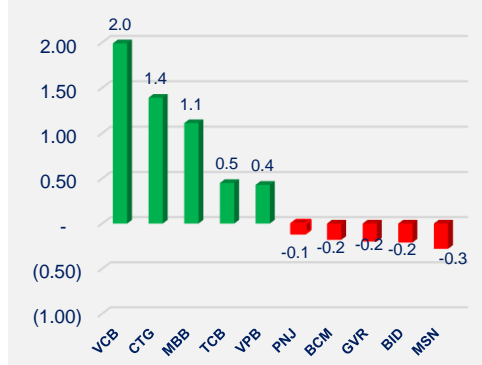
MARKET LENS

4/1/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,150.72	232.56
% Thay đổi	↑ 0.57%	↑ 0.40%
KLGD (CP)	1,110,774,413	112,741,659
GTGD (tỷ đồng)	25,256.51	2,185.32
Tổng cung (CP)	2,626,898,396	202,557,100
Tổng cầu (CP)	2,229,226,615	154,578,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	40,766,892	1,105,009
KL mua (CP)	40,672,684	830,087
GT mua (tỷ đồng)	1,176.67	29.97
GT bán (tỷ đồng)	1,196.93	28.44
GT ròng (tỷ đồng)	(20.26)	1.53

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


VN-INDEX tiếp tục có phiên giao dịch khá tích cực khi đầu phiên tăng điểm mạnh đến từ ảnh hưởng đột biến của nhóm ngân hàng. Trong phiên VN-INDEX tăng điểm mạnh hướng đến giá cao nhất tháng 10/2023 quanh 1.160 điểm với thanh khoản gia tăng mạnh, tuy nhiên áp lực bán khi thị trường ở vùng quá mua ngắn hạn đã xuất hiện khiến VN-INDEX điều chỉnh trở lại và kết phiên ở mức 1.150,72 điểm tăng 6,55 điểm (+0,57%) so với phiên trước, thanh khoản gia tăng đột biến. HNX-INDEX tăng 0,92 điểm (0,40%) lên mức 232,56 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tích cực với lực cầu giá lên gia tăng tốt trong VN30 khi có 368 mã tăng giá (12 mã tăng trần), 280 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 170 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết gia tăng đột biến 73,44% so với phiên trước lên 27.431,67 tỷ đồng được giao dịch, tăng mạnh so với mức trung bình với khối lượng giao dịch nhóm VN30 tăng mạnh 135,22%, thể hiện đột biến ở nhóm ngân hàng, trong khi nhiều mã vốn hóa trung bình nhỏ lại chịu áp lực điều chỉnh cuối phiên. Khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng phiên thứ 3, nhưng giá trị bán ròng đang giảm khá mạnh với 20,25 tỷ đồng trên HOSE; mua ròng nhẹ trở lại trên HNX với giá trị 1,53 tỷ đồng.

Theo biên bản cuộc họp tháng 12/2023 được công bố ngày 03/01/2024, các quan chức Cục Dự trữ Liên bang (Fed) đã kết luận rằng việc cắt giảm lãi suất có thể xảy ra vào năm 2024, mặc dù không cung cấp nhiều thông tin về thời điểm điều đó có thể xảy ra. Tại cuộc họp tháng 12, Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC) đã quyết định giữ lãi suất ổn định trong khoảng từ 5,25% đến 5,5%. Các nhà hoạch định chính sách dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất 75 điểm cơ bản vào cuối năm 2024.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau 02 phiên giao dịch khá tích cực, tiếp tục có diễn biến nổi bật vượt trội khi giao dịch rất đột biến, nhiều mã tăng lên mức giá trần trong phiên, kết thúc phiên nhiều mã vẫn tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến như MBB (+4,96%), NVB (+3,64%), CTG (+3,62%), MSB (+3,07%), BVB (+2,80%)... ngoài các mã cuối phiên giảm điểm với PGB (-0,37%), BID (-0,34%)....

Ngoài nhóm cổ phiếu ngân hàng giao dịch đột biến thì hầu hết các nhóm ngành khác có diễn biến đầu phiên khá tốt, tuy nhiên chịu áp lực điều chỉnh cuối phiên, phân hóa mạnh như nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số chỉ tăng nhẹ với SSI (+1,97%), AGR (+1,56%), TVS (+1,42%) và nhiều mã kết phiên giảm điểm, thanh khoản vượt mức trung bình không tích cực như FTS (-0,69%), BSI (-0,65%), VCI (-0,59%)...

Các cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến phân hóa mạnh, đa số biến động nhẹ cuối phiên, thanh khoản vượt mức trung bình với NHA (+2,92%), NDN (+2,02%), LGL (+0,96%), DIG (+0,76%)...ITC (-2,20%), HHS (-1,76%), DRH (-1,53%), NTL (-1,35%)... Các cổ phiếu nhóm ngành khác cũng phân hóa mạnh, đa số giảm điểm nhẹ cuối phiên khi dòng tiền ngắn hạn có tín hiệu dồn vào các cổ phiếu ngân hàng...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2401 tăng 8,2 điểm (+0,71%), chênh lệch dương thu hẹp còn 0,13 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng rất mạnh 57,34% so với phiên trước, vượt mức trung bình, cho thấy các vị thế mua đầu cơ trong phiên tăng mạnh. Xu hướng ngắn hạn VN30F2401 vẫn tích cực nhưng đang gặp vùng kháng cự mạnh 1.160 - 1.169 điểm vùng giá cao nhất tháng 10.2023. Các kỳ hạn VN30F2402, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -0,25 điểm đến 3,63 điểm, thể hiện các trader vẫn lạc quan về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn. Tuy nhiên cần lưu ý vị thế ngắn hạn của VN30 có thể đi vào quá mua ngắn hạn trong phiên đến và có thể rung lắc mạnh hay hedge mạnh ở thị trường phái sinh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Sau phiên tăng điểm thoát kênh tích lũy ngắn hạn đã tăng tích cực của Vn-Index tiếp tục được duy trì tuy nhiên lực tăng yếu dần về cuối phiên hôm nay khi Vn-Index gặp ngưỡng cản ngắn hạn 1.150 điểm. Chốt phiên thị trường tăng +6,55 điểm (+0,57%) và đóng cửa ở 1.150,72 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường vận động tích cực và đã tiệm cận cản ngắn hạn 1.150 điểm như chúng tôi thường xuyên đề cập. Trong ngắn hạn thị trường có thể sẽ rung lắc điều chỉnh tại vùng kháng cự nói trên, nhưng với động lực vận động trên nền tảng tích lũy ngắn hạn tốt chúng tôi kỳ vọng sau khi tích lũy thêm VN-Index sẽ sớm vượt qua ngưỡng cản này 1.150 điểm để tiến vào khu vực kỳ vọng tích lũy trung hạn.

Về trung hạn, Vn-Index sẽ cần nhiều thời gian để tiến tới khu vực cân bằng và hình thành nền tích lũy mới sau giai đoạn thị trường giảm sâu. Với những vận động của VnIndex trong vài tuần qua sau khi đã vượt lên trên vùng tích lũy 1.100 điểm – 1.130 điểm, chúng tôi kỳ vọng VnIndex có thể vượt qua cản ngắn hạn 1.150 điểm để hình thành vùng tích lũy cao trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Thị trường đang trong nhịp tăng ngắn hạn và thoát khỏi kênh tích lũy tiệm cận ngưỡng kháng cự 1.150 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng bởi thị trường nhiều khả năng điều chỉnh và rung lắc quanh ngưỡng này. Đối với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

4/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PET	27.90	24.5-25.5	31-32	23	38.0	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
DPM	33.90	31-33	38-39	29	8.4	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.70	30.5-31.2	34-35	29	16.8	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.10	26-27	30-31	25	36.0	11.2%	546.3%	Theo dõi giải ngân
VSC	30.95	27-28.6	34-35	25	30.6	9.8%	-59.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.05	25-26.3	29.5-30.5	23	13.7	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.20	22.3	28-28.5	25	13.0%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	25.40	18.6	28-29	24	36.6%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	26.60	24.45	30-31	26	8.8%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	49.70	45.1	52-53	48	10.2%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	10.95	11.4	15-16	11	-3.9%	Bán
19/12/2023	KBC	31.70	30.2	34-35	30	5.0%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.10	27.55	30-31	26.5	2.0%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.40	18.09	26-27	18	7.2%	Nắm giữ
4/1/2024	VSC	30.95	29.55	34-35	28.5	4.7%	Giải ngân giá 29.55



TIN VĨ MÔ

Nợ công vượt 34 nghìn tỷ USD, Chính phủ Mỹ lại đối mặt nguy cơ đóng cửa

Theo dữ liệu mới nhất từ Bộ Tài chính Mỹ, tổng nợ quốc gia (nợ công) của nước này vượt mốc 34.000 tỷ USD lần đầu tiên trong lịch sử vào ngày 29/12/2023. Diễn biến này xảy ra chỉ vài tuần trước thời hạn Quốc hội Mỹ thông qua kế hoạch phân bổ ngân sách liên bang mới. Điều này cũng xảy ra chỉ 3 tháng sau khi nợ công Mỹ vượt qua mốc 33.000 tỷ USD, trong bối cảnh thâm hụt ngân sách tăng vọt. Bà Maya MacGuineas, Chủ tịch Ủy ban về Ngân sách Liên bang có trách nhiệm (CRFB) - một tổ chức giám sát tài chính độc lập và phi lợi nhuận, gọi kỷ lục nợ công mới của Mỹ là một "thành tích đáng buồn".

Đồng loạt giảm giá các mặt hàng xăng dầu

Mỗi lít xăng giảm 180-230 đồng, các mặt hàng dầu cũng hạ 190-500 đồng tùy loại, từ 15h hôm nay. Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) giảm 230 đồng, về mức 21.910 đồng một lít; E5 RON 92 giảm 180 đồng, còn 21.000 đồng một lít. Tương tự, các mặt hàng dầu cũng hạ về còn 15.490-19.950 đồng một lít, kg so với cách đây 7 ngày. Như vậy, tại kỳ điều hành đầu tiên của năm 2024, giá bán lẻ xăng dầu trong nước đều giảm vài trăm đồng một lít, kg, trong khi giá thế giới biến động do những bất ổn địa chính trị leo thang.

4 tuyến đường cao tốc sẽ tăng phí từ 1/2/2024

Từ ngày 1/2/2024, 4 tuyến đường cao tốc do Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam làm chủ đầu tư sẽ được điều chỉnh tăng mức phí với mức cao nhất lên đến 12%... Vừa qua, Bộ Giao thông vận tải đã thống nhất việc tăng phí tại 4 tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Cầu Giẽ - Ninh Bình, Đà Nẵng - Quảng Ngãi, TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây do Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC) quản lý, khai thác như đề nghị trước đó của công ty. Theo đó, từ ngày 1/2 thực hiện điều chỉnh mức giá dịch vụ tại 4 tuyến cao tốc do VEC quản lý.

Fed: Việc cắt giảm lãi suất có thể diễn ra trong năm 2024

Theo biên bản cuộc họp tháng 12 được công bố hôm thứ Tư (3/1), các quan chức Cục Dự trữ Liên bang (Fed) đã kết luận rằng việc cắt giảm lãi suất có thể xảy ra vào năm 2024, mặc dù không cung cấp nhiều thông tin về thời điểm điều đó có thể xảy ra. Tại cuộc họp tháng 12, Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC) đã quyết định giữ lãi suất ổn định trong khoảng từ 5,25% đến 5,5%. Các nhà hoạch định chính sách dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất 75 điểm cơ bản vào cuối năm 2024. Tuy nhiên, biên bản tóm tắt cuộc họp lưu ý rằng có mức độ không chắc chắn cao về việc cắt giảm lãi suất sẽ xảy ra như thế nào hoặc liệu điều đó có xảy ra hay không.



TIN DOANH NGHIỆP

Chứng khoán Thành Công (TCI) dự kiến chào sàn HOSE vào ngày 26/1

HDQT CTCP Chứng khoán Thành Công (TCI - UPCoM) vừa thông qua việc hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu tại HNX để niêm yết cổ phiếu trên sàn HOSE. Theo đó, gần 101 triệu cổ phiếu TCI sẽ hủy đăng ký giao dịch trên UPCoM vào ngày 15/1 và ngày giao dịch cuối cùng là 12/1/2024. Đồng thời, HDQT Công ty cũng thống nhất sẽ đưa cổ phiếu TCI chào sàn HOSE dự kiến vào ngày 26/1. Trước đó, HOSE đã có thông báo chấp thuận niêm yết cho cổ phiếu TCI vào những ngày cuối cùng của năm 2023.

Giữ ổn định thu nhập cho 62,000 lao động, Vinatex chấp nhận mất 1,500 tỷ đồng lợi nhuận

Với đơn giá thấp, các doanh nghiệp trong Tập đoàn chấp nhận giảm lợi nhuận để giữ ổn định thu nhập cho người lao động. Phương thức này làm giảm lợi nhuận khoảng 1,500 tỷ đồng. Đó là khẳng định của ông Cao Hữu Hiếu - Thành viên HDQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex, UPCoM: VGT) trong buổi tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2023 diễn ra ngày 29/12. Tại đây, ông Hiếu nhấn mạnh 2023 là năm đặc biệt khó khăn với diễn biến của thị trường và kinh tế thế giới, nhu cầu thấp. Kết quả, doanh thu 2023 của Tập đoàn ước đạt 17,225 tỷ đồng và lãi trước thuế 377 tỷ đồng, lần lượt giảm gần 12% và 69% so với năm 2022.

Công ty mẹ ACV ước lãi trước thuế hơn 8.600 tỷ năm 2023

Cả năm 2023, ACV đã hoàn thành và vượt các mục tiêu tài chính cho công ty mẹ đặt ra từ đầu năm. Tại Hội nghị tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, ông Vũ Thế Phiệt, Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (Mã: ACV) cho biết kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 đã đạt và vượt kế hoạch được Ủy ban và Đại hội cổ đông năm 2023 thông qua. Công ty cho biết, tổng doanh thu công ty mẹ năm 2023 ước đạt 20.034 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 8.646 tỷ đồng, vượt 2% mục tiêu và tương đương năm 2022.

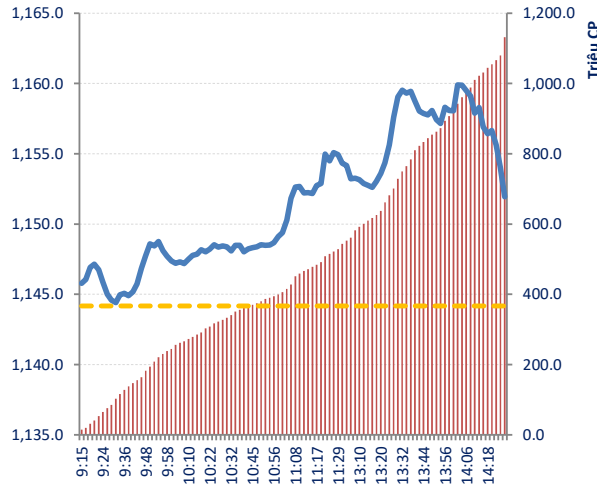
Lọc dầu Nghi Sơn sắp nhận hơn 8.200 tỷ đồng bù giá

Chính phủ đồng ý chi hơn 8.240 tỷ đồng để thanh toán tiền bù giá bao tiêu sản phẩm cho Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn. Theo quyết định dự toán ngân sách do Phó thủ tướng Lê Minh Khái ký hôm 29/12, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) được giao 8.247 tỷ đồng để xử lý tài chính, thanh toán tiền bù giá trong bao tiêu sản phẩm Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn 2018 - 2023. Khoản tiền này được Quốc hội quyết định tháng 11 năm ngoái, lấy từ nguồn chi đầu tư phát triển ngân sách trung ương 2023. Bộ Tài chính và PVN chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu, thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về kết quả bao tiêu sản phẩm và số tiền bù giá.

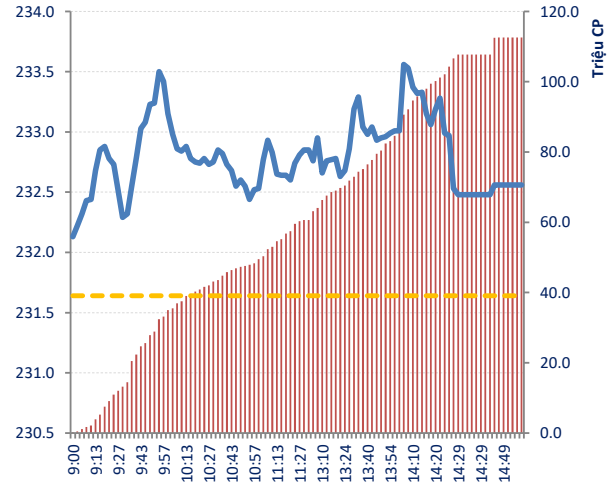


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

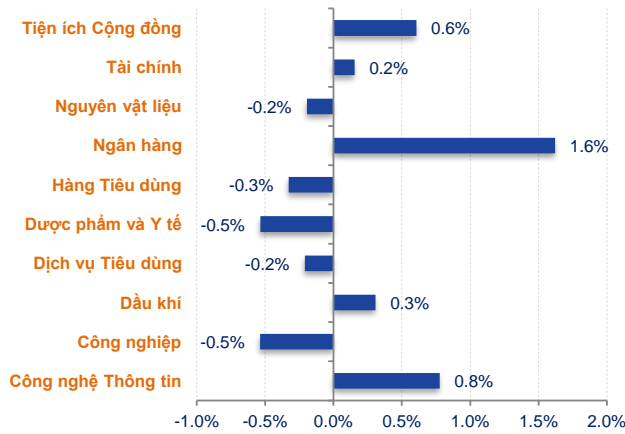
KLGD và VN-Index trong phiên



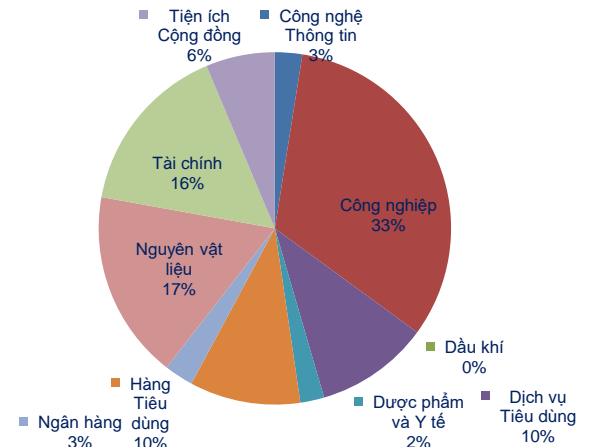
KLGD và HNX-Index trong phiên



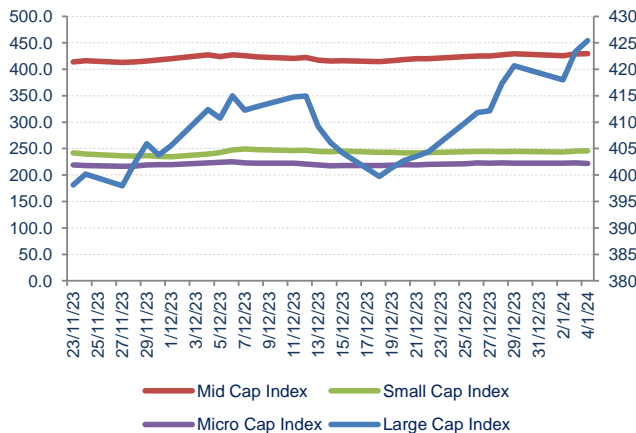
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



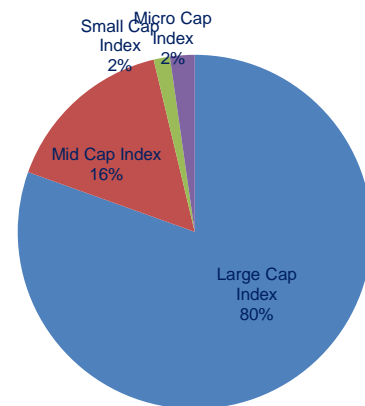
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MSB	4,600,600	VHM	2,127,696	1	IDC	343,570	PVS	298,900
2	VPB	3,456,300	SHB	1,955,084	2	SHS	220,717	HUT	259,800
3	SSI	1,736,486	TPB	1,528,000	3	VGS	29,600	BVS	99,300
4	CTG	1,445,900	LPB	1,283,767	4	MBS	28,230	NVB	70,000
5	VCB	1,145,206	DXG	1,120,640	5	PPP	14,400	TIG	56,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.25	11.45	↑ 1.78%	68,045,800	SHS	18.70	18.70	→ 0.00%	30,042,250
SSI	32.95	33.60	↑ 1.97%	58,745,301	CEO	22.70	22.80	↑ 0.44%	17,510,437
MBB	19.15	20.10	↑ 4.96%	49,714,900	HUT	20.20	20.30	↑ 0.50%	11,796,161
VND	22.35	22.30	↓ -0.22%	44,987,600	MBS	22.70	22.70	→ 0.00%	7,280,670
HPG	27.80	27.75	↓ -0.18%	39,592,700	PVS	38.20	38.30	↑ 0.26%	4,174,209

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDN	94.00	100.50	6.50	↑ 6.91%	DTG	22.10	24.30	2.20	↑ 9.95%
FDC	20.40	21.80	1.40	↑ 6.86%	KHS	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%
HAS	7.00	7.48	0.48	↑ 6.86%	MAS	32.40	35.60	3.20	↑ 9.88%
VSC	29.00	30.95	1.95	↑ 6.72%	PRC	24.30	26.70	2.40	↑ 9.88%
ABT	37.45	39.85	2.40	↑ 6.41%	SPC	12.20	13.40	1.20	↑ 9.84%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VHC	75.50	63.70	-11.80	↓ -15.63%	L61	4.20	3.80	-0.40	↓ -9.52%
NAV	20.80	19.35	-1.45	↓ -6.97%	TTL	8.80	8.10	-0.70	↓ -7.95%
FIR	17.25	16.05	-1.20	↓ -6.96%	VCC	13.20	12.20	-1.00	↓ -7.58%
STG	51.90	48.30	-3.60	↓ -6.94%	BXH	19.30	18.00	-1.30	↓ -6.74%
L10	22.45	20.90	-1.55	↓ -6.90%	TFC	7.70	7.20	-0.50	↓ -6.49%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	68,045,800	15.9%	2,036	5.5	0.8
SSI	58,745,301	8.9%	1,346	24.5	2.2
MBB	49,714,900	22.4%	4,290	4.5	1.1
VND	44,987,600	7.8%	957	23.4	1.7
HPG	39,592,700	1.9%	322	86.4	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	30,042,250	5.4%	643	29.1	1.5
CEO	17,510,437	6.7%	955	23.8	1.8
HUT	11,796,161	0.8%	122	165.9	1.6
MBS	7,280,670	10.4%	1,104	20.6	2.0
PVS	4,174,209	6.7%	1,846	20.7	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDN	↑ 6.9%	28.7%	6,898	13.6	3.6
FDC	↑ 6.9%	-44.5%	(5,135)	-	1.8
HAS	↑ 6.9%	-0.1%	(20)	-	0.4
VSC	↑ 6.7%	4.3%	1,011	28.7	1.2
ABT	↑ 6.4%	13.6%	6,989	5.4	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTG	↑ 10.0%	14.3%	2,500	8.8	1.1
KHS	↑ 9.9%	-5.4%	(963)	-	0.6
MAS	↑ 9.9%	17.9%	1,205	26.9	4.5
PRC	↑ 9.9%	111.7%	41,994	0.6	0.8
SPC	↑ 9.8%	-28.2%	(5,470)	-	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	4,600,600	17.2%	2,471	5.3	0.9
VPB	3,456,300	9.7%	1,476	12.9	1.0
SSI	1,736,486	8.9%	1,346	24.5	2.2
CTG	1,445,900	15.7%	3,377	8.2	1.2
VCB	1,145,206	22.6%	6,013	14.1	3.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	343,570	17.0%	3,177	16.4	3.1
SHS	220,717	5.4%	643	29.1	1.5
VGS	29,600	5.3%	939	24.7	1.3
MBS	28,230	10.4%	1,104	20.6	2.0
PPP	14,400	15.0%	2,132	7.9	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	472,278	22.6%	6,013	14.1	3.0
BID	249,679	17.6%	3,450	12.7	2.1
VHM	188,980	25.0%	9,468	4.6	1.0
GAS	174,552	19.0%	5,283	14.4	2.8
VIC	168,815	2.7%	977	45.2	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,258	6.7%	1,846	20.7	1.4
HUT	18,029	0.8%	122	165.9	1.6
IDC	17,226	17.0%	3,177	16.4	3.1
SHS	15,206	5.4%	643	29.1	1.5
THD	13,590	2.9%	460	76.8	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	2.48	2.0%	511	44.1	0.9
CTS	2.46	7.9%	1,020	27.5	2.1
QCG	2.45	-0.2%	(32)	-	0.6
FCN	2.38	1.1%	232	63.7	0.7
VIX	2.31	8.2%	1,005	16.6	1.3

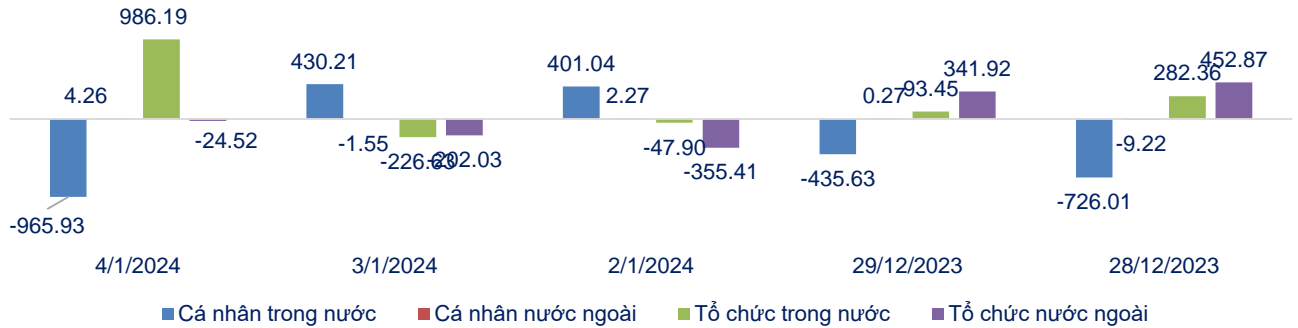
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.93	6.2%	588	26.2	1.4
SHS	2.39	5.4%	643	29.1	1.5
VIG	2.27	6.8%	501	15.2	1.1
HUT	2.18	0.8%	122	165.9	1.6
MBS	2.12	10.4%	1,104	20.6	2.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	57.76	9.0%	959	17.4	1.4
VJC	46.33	-14.0%	(3,851)	-	3.8
DXG	33.07	-2.0%	(452)	-	0.9
DGC	25.84	29.7%	9,010	10.4	2.9
PVD	22.95	3.0%	779	36.2	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-110.62	3.0%	476	90.8	2.7
HDB	-108.78	20.7%	2,926	6.8	1.3
TCB	-89.29	14.2%	4,863	6.7	0.9
VCB	-83.65	22.6%	6,013	14.1	3.0
HPG	-80.98	1.9%	322	86.4	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	10.06	17.2%	2,471	5.3	0.9
VIX	4.04	8.2%	1,005	16.6	1.3
OCB	2.24	16.9%	2,201	6.3	1.0
MSN	2.14	2.2%	572	120.4	2.6
TNH	2.02	12.3%	1,628	11.9	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	-4.09	13.6%	1,895	17.1	2.3
TTF	-3.43	-11.0%	(110)	-	5.0
VND	-2.77	7.8%	957	23.4	1.7
ASM	-2.38	3.0%	709	14.8	0.5
DXG	-1.42	-2.0%	(452)	-	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	119.81	3.0%	476	90.8	2.7
HDB	98.12	20.7%	2,926	6.8	1.3
STB	97.11	17.5%	3,825	7.5	1.2
HPG	91.82	1.9%	322	86.4	1.6
TCB	89.29	14.2%	4,863	6.7	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	-56.62	9.0%	959	17.4	1.4
VJC	-41.20	-14.0%	(3,851)	-	3.8
SSI	-30.63	8.9%	1,346	24.5	2.2
DGC	-23.65	29.7%	9,010	10.4	2.9
PDR	-14.86	1.6%	198	138.9	2.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

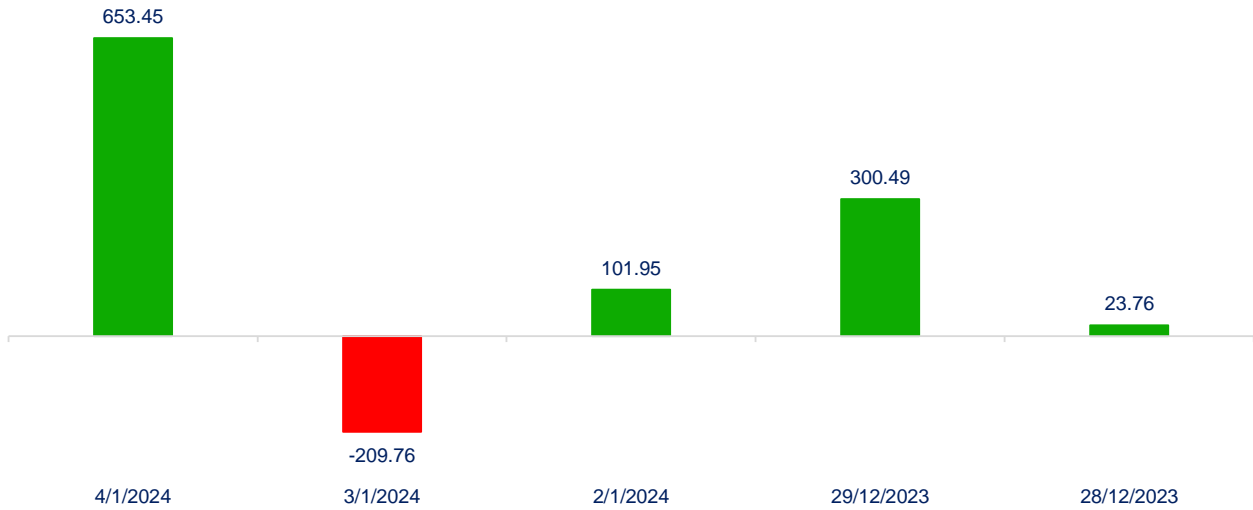
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	99.03	22.6%	6,013	14.1	3.0
VPB	67.77	9.7%	1,476	12.9	1.0
SSI	59.07	8.9%	1,346	24.5	2.2
MSB	51.99	17.2%	2,471	5.3	0.9
CTG	40.78	15.7%	3,377	8.2	1.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

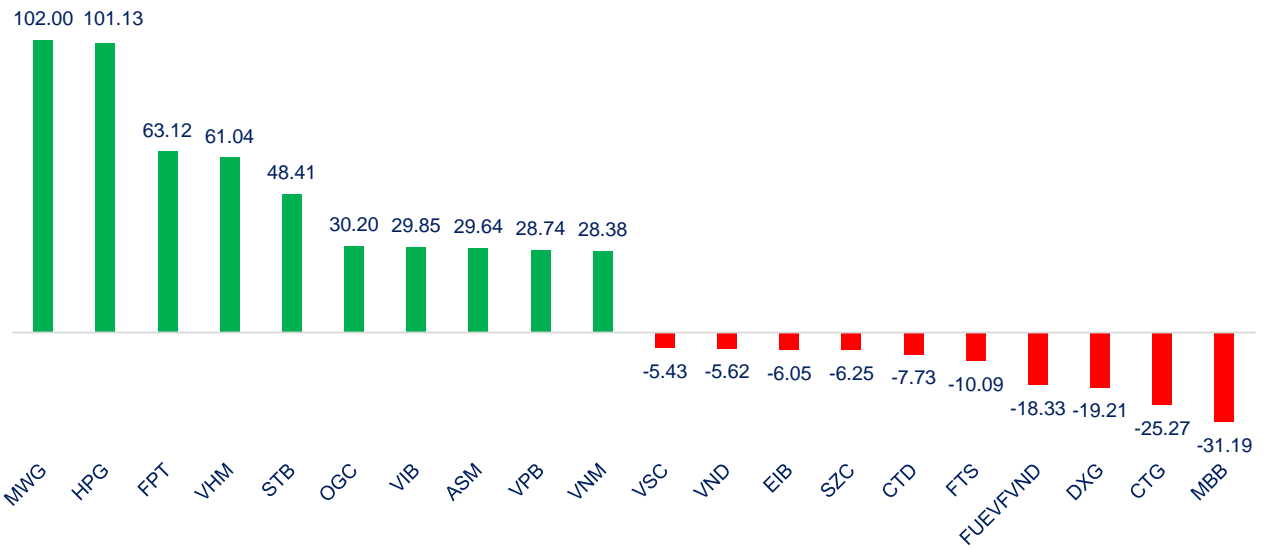
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-92.81	25.0%	9,468	4.6	1.0
MSN	-29.25	2.2%	572	120.4	2.6
TPB	-27.15	17.0%	2,483	7.0	1.2
STB	-25.64	17.5%	3,825	7.5	1.2
GAS	-22.27	19.0%	5,283	14.4	2.8



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn